

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		488.105.958.795	503.417.219.133
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	127.946.893.899	125.050.507.299
Tiền	111		17.746.893.899	56.721.698.911
Các khoản tương đương tiền	112		110.200.000.000	68.328.808.388
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.397.955.943	165.327.908.022
Phải thu khách hàng	131		143.161.649.009	165.461.517.756
Trả trước cho người bán	132		70.288.123	465.321.753
Các khoản phải thu khác	135		1.875.925.271	299.938.433
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.709.906.460)	(898.869.920)
Hàng tồn kho	140	5	208.104.235.414	204.903.496.242
Hàng tồn kho	141		210.848.264.253	206.851.281.428
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.744.028.839)	(1.947.785.186)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.656.873.539	8.135.307.570
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.908.787.616	895.153.894
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.488.538.002	6.987.838.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	154		67.850.421	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		191.697.500	252.315.500
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		145.711.878.081	167.952.582.257
Tài sản cố định	220		140.989.090.826	163.083.409.751
Tài sản cố định hữu hình	221	6	140.415.316.826	158.481.797.349
Nguyên giá	222		436.179.690.860	431.762.746.429
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(295.764.374.034)	(273.280.949.080)
Tài sản cố định vô hình	227	7	529.200.000	-
Nguyên giá	228		567.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.800.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	44.574.000	4.601.612.402
Tài sản dài hạn khác	260		4.722.787.255	4.869.172.506
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.776.254.177	3.043.343.979
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	1.946.533.078	1.825.828.527
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		633.817.836.876	671.369.801.390

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		356.096.138.621	428.019.235.734
Nợ ngắn hạn	310		356.096.138.621	427.751.446.861
Vay ngắn hạn	311	11	197.875.880.241	312.152.126.303
Phải trả người bán	312	12	128.534.895.322	90.196.727.226
Người mua trả tiền trước	313		21.673.269.915	13.068.225.554
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.288.989.749	4.698.421.775
Phải trả người lao động	315		5.583.446.661	5.914.946.314
Chi phí phải trả	316		1.061.975.115	1.652.461.368
Các khoản phải trả khác	319		77.681.618	68.538.321
Nợ dài hạn	330		-	267.788.873
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	14	-	267.788.873
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		277.721.698.255	243.350.565.656
Vốn chủ sở hữu	410	15	277.721.698.255	243.350.565.656
Vốn cổ phần	411	16	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	414	16	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	17	21.553.609.319	21.553.609.319
Lỗi lũy kế	420		(22.572.841.701)	(56.943.974.300)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		633.817.836.876	671.369.801.390

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

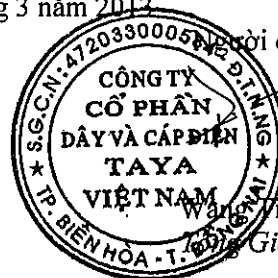
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	1.209.007.946	16.751.402.382
Ngoại tệ	3.587.622.291	2.996.847.851

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Sung Hsiang Lin

Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Wang Jing Shu
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN

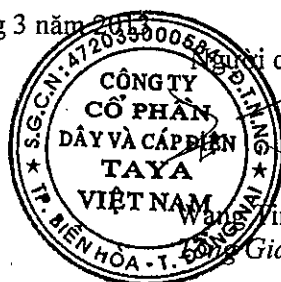
	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	18	914.987.988.113	1.318.267.201.905
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(2.261.005.263)	(1.683.718.208)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10		912.726.982.850	1.316.583.483.697
Giá vốn hàng bán	11		(833.384.800.021)	(1.178.006.826.469)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		79.342.182.829	138.576.657.228
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	8.872.767.073	15.496.943.206
Chi phí tài chính	22	20	(13.465.227.276)	(78.135.753.585)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(10.038.531.138)	(14.347.719.746)
Chi phí bán hàng	24		(18.473.193.874)	(19.608.289.051)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(27.293.388.091)	(27.588.826.788)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		28.983.140.661	28.740.731.010
Thu nhập khác	31		5.280.203.052	7.864.864.372
Chi phí khác	32		(12.915.665)	(3.205.295.090)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		5.267.287.387	4.659.569.282
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.250.428.048	33.400.300.292
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	(2.607.462.478)
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	21	120.704.551	(221.807.697)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		34.371.132.599	30.571.030.117
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.232	1.096

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Sung Hsiang Lin

Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Wang Jing Shu
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		34.250.428.048	33.400.300.292
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		23.754.094.699	27.136.014.516
Các khoản dự phòng	03		1.607.280.193	1.852.075.019
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.054.074.282)	(1.305.507.433)
Lỗi/(lãi) thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05		39.248.628	(124.965.790)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(7.802.337.474)	(10.163.807.763)
Chi phí lãi vay	06		10.038.531.138	14.347.719.746
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		60.833.170.950	65.141.828.587
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		20.576.339.314	41.637.974.718
Biến động hàng tồn kho	10		(3.996.982.825)	(9.662.968.708)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		43.711.633.991	(101.387.220.742)
			121.124.161.430	(4.270.386.145)
Tiền lãi vay đã trả	13		(10.370.526.541)	(14.349.204.046)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.076.680.612)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		109.676.954.277	(18.619.590.191)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.463.461.873)	(12.981.934.692)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		31.527.273	252.792.961
Tiền thu từ các khoản đầu tư khác	25		-	2.000.000.000
Thu lãi tiền gửi	27		7.823.347.730	9.883.353.063
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		6.391.413.130	(845.788.668)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã Thuyết số minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay nhận được	33	431.606.837.343	545.438.418.231
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(544.778.818.150)	(589.622.253.997)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(113.171.980.807)	(44.183.835.766)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.896.386.600	(63.649.214.625)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	125.050.507.299	188.699.721.924
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	127.946.893.899	125.050.507.299

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Sung Hsiang Lin

Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng



Ngày 01/03/2013
Người duyệt:

Wang Jing Shu
Tổng Giám đốc